TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/KDTM-ST
Ngày 26 tháng 7 năm 2024
T/c "Hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sơn; Ông Lê Thành Thật

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 10/2024/TLST–KDTM ngày 14 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 369/2024/QĐXXST-KDTM ngày 29 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 379/2024/QĐST-KDTM ngày 26 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần X1

Địa chỉ: Số C, đường T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh X-Chủ tịch HĐQT

Người được ủy quyền: Ông Đoàn Lê V, chức vụ: Kế toán Công ty.

(Ông V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Công ty TNHH MTV T. Vắng mặt

Địa chỉ: Số E, đường T, phường H, quận N, Thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Huỳnh Thị Nguyệt L - Giám đốc.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị Nguyệt L. Nơi cư trú: Số E, đường T, phường H, quận N, Thành phố Cần Thơ. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 05/02/2024 và trong quá trình tố tụng, ông Đoàn Lê V là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần X1, trình bày: Ngày 20/5/2022, Công ty TNHH MTV T (gọi tắt là Công ty T) do bà

Huỳnh Thị Nguyệt L làm giám đốc và Công ty Cổ phần X1 (gọi tắt là Công ty X1) có thỏa thuận ký hợp đồng kinh tế số 515/HĐKT/2022 để mua bán bê tông trộn sẵn. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, khi Công ty T cần số lượng bê tông thì thông báo cho Công ty X1 trong thời gian 48 giờ và thông báo chính thức lại trước 12 giờ đổ bê tông thì Công ty X1 sẽ giao bê tông và hai bên xác nhận số lượng, thanh toán tiền bê tông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bê tông. Quá trình thực hiện, từ ngày 27/5/2022 đến ngày 23/6/2022, Công ty X1 đã giao số lượng bê tông theo yêu cầu của Công ty T với tổng số tiền 77.786.000 đồng, Công ty T đã thanh toán được số tiền 39.976.000 đồng. Ngày 01/3/2023, hai bên có biên bản đối chiếu công nợ, xác nhận số tiền Công ty T còn nợ 37.810.000 đồng. Ngày 05/7/2023, Công ty T thanh toán được 20.000.000 đồng, còn nợ lại 17.810.000 đồng, Công ty X1 gửi thông báo nhắc nợ nhưng Công ty T vẫn không thực hiện thanh toán nợ. Do đó, theo thỏa thuận tại Điều 6 của hợp đồng, Công ty X1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty T và bà Huỳnh Thị Nguyệt L phải có trách nhiệm trả số tiền mua bê tông còn nợ là 17.810.000 đồng và chịu lãi chậm trả theo Điều 4 của hợp đồng từ ngày 10/7/2022 đến ngày khởi kiện 05/4/2024 với số tiền lãi tạm tính là 6.766.368 đồng, yêu cầu tiếp tục tính lãi khi xét xử xong.

Bị đơn Công ty T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Nguyệt L vắng mặt trong quá trình tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Đoàn Lê V có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc Công ty T và bà Huỳnh Thị Nguyệt L phải liên đới thanh toán số tiền mua bê tông trộn sẵn còn nợ và lãi do bị đơn vi phạm nghĩa vụ từ ngày 01/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm, tính lãi suất 5,9%/năm theo văn bản số 975/BIDV.AG-KHDN của Ngân hàng Đ chi nhánh A ngày 20/6/2024; Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai, không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 24, Điều 25, Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại 2005; khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty X1, buộc Công ty T và bà Huỳnh Thị Nguyệt L có trách nhiệm liên đới trả số tiền hàng chưa thanh toán là 17.810.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày các bên đối chiếu công nợ là ngày 01/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 5,9%/năm. Kể từ

ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH MTV T và bà Huỳnh Thị Nguyệt L còn phải chịu lãi phát sinh đến khi thanh toán xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Công ty X1 và Công ty T phát sinh tranh chấp trong hoạt động kinh doanh, thương mại và các bên thỏa thuận Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên giải quyết tranh chấp theo quy định tại Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Công ty X1 ủy quyền cho ông Đoàn Lê V tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn theo quy định tại Điều 85, Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Đoàn Lê V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhận được các văn bản tố tụng do Tòa án cấp, tống đạt nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không lý do. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Nguyên đơn Công ty X1 và bị đơn Công ty T có giao dịch mua bán bê tông trộn sẵn, phục vụ xây dựng công trình theo hợp đồng kinh tế số 515/HĐKT/2022 ngày 20/5/2022, các bên thỏa thuận thời gian giao nhận bê tông, thanh toán tiền trên số lượng bê tông đã nhận trong thời hạn 15 ngày, thỏa thuận này phù hợp với Điều 24, Điều 34, Điều 37, Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại năm 2005. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn cho rằng đã giao số lượng bê tông theo yêu cầu của phía bị đơn với tổng số tiền là 77.786.000 đồng, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 59.976.000 đồng, còn nợ lại 17.810.000 đồng theo bản đối chiếu công nợ ngày 01/3/2023 nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về tài sản. Tuy nhiên, phía bị đơn không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, điều này thể hiện bị đơn cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận tại Điều 4 của hợp đồng, tính lãi theo biểu lãi nợ quá hạn của Ngân hàng Đ chi nhánh A, thời gian tính lãi từ ngày 01/3/2023 đến ngày xét xử sơ

thẩm 26/7/2024. Xét thấy, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005. Nguyên đơn yêu cầu áp dụng lãi cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp là 5,9%/năm theo Văn bản số 975/BIDV.AG.KHDN ngày 20/6/2024, không áp dụng lãi quá hạn là tự nguyện và có lợi cho bị đơn. Như vậy, số tiền mua hàng còn nợ nêu trên tính lãi từ ngày 01/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/7/2024 là 16 tháng 25 ngày x 17.810.000 đồng x 5,9%/năm (0.49%/tháng) = 1.469.028 đồng (làm tròn là 1.469.000 đồng)

Đối với yêu cầu bà Huỳnh Thị Nguyệt L phải liên đới thanh toán nợ cùng với Công ty T. Xét thấy, yêu cầu này phù hợp theo thỏa thuận của các bên tại Điều 6 của hợp đồng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải liên đới chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 85, Điều 86, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 24, Điều 34, Điều 37, Điều 50, Điều 55 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử vắng mặt các đương sự.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc Công ty TNHH MTV T và bà Huỳnh Thị Nguyệt L phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty Cổ phần X1 số tiền 19.279.000 đồng, trong đó tiền mua bê tông trộn sẵn còn nợ là 17.810.000 đồng, tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là 1.469.000 đồng.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức

lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí sơ thẩm

Công ty TNHH MTV T và bà Huỳnh Thị Nguyệt L phải liên đới nghĩa vụ nộp 3.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại Công ty Cổ phần X1 số tiền 597.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001693 ngày 12/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L.

[3] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Giải thích Điều 26 Luật Thi hành án dân sự)

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Tp.L;
- Chi cục THADS Tp.L;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam